

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (K%)	Đ 2 (L%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344164	ĐẶNG MINH CHÁU	CD12CI	<i>Bok</i>		45	1	25	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115148	VĂN THỊ LỆ	DH12GB	<i>Clus</i>	2	45	25	5,3	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154057	VÕ THÀNH CÔNG	DH10OT	<i>Bo</i>		45	1,1	2,2	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11134003	VÕ THỊ THU CÚC	DH11GB	<i>nguyen</i>		45	2,2	3,6	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT	<i>Da</i>	2	45	1,8	5,3	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT	<i>Phu</i>		45	1,8	5,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Phu</i>	2	45	1,5	5,8	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153004	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>trandat</i>		45	2,0	4,6	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115240	ĐOÀN THỊ THU HÀ	DH12GN	<i>Tha</i>		44	1,1	3,7	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115046	HUYỀN KIM HẢI	DH12CB	<i>Kh</i>		45	1,5	2,2	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12115159	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	DH12GN	<i>nguyen</i>		45	2,2	4,2	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	<i>Nguyen</i>		45	1,1	4,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115002	TRẦN THỤC KHÁNH HẬU	DH12GB	<i>Tran</i>		45	2,3	5,8	9,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115289	ĐỖ NGỌC HIẾU	DH12CB	<i>Hieu</i>		45	1,3	4	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11134004	VÔNG BẢO HỒ	DH11GB	<i>Ho</i>		45	0,8	4,1	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09115018	HÀU ĐỨC HUÂN	DH09CB	<i>Hau</i>	2	45	1,3	2,7	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG HUY	DH12CD	<i>Phu</i>		42	0,9	3,9	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115077	TRẦN THỊ HUYỀN	DH12GB	<i>Hue</i>		45	1,6	4,2	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12138055	HUYỀN TÂN	DH12TD	<i>Huyen</i>		15	1	3,7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115145	LÊ THỊ	DH12GB	<i>Le</i>		15	2,3	6,0	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138121	LÊ PHÚC	DH12TD	<i>Le Phuoc</i>		15	1,6	3,7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154143	LƯU TÂN	DH12OT	<i>Lieu</i>		12	1,6	2,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154232	NGUYỄN VIỆT	DH12OT	<i>Lieu</i>		14	1,5	2,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12137007	VŨ ĐÌNH	DH12NL	<i>Lieu</i>	2	15	1,6	4,1	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138072	DƯƠNG VĂN	DH12TD	<i>Van</i>		15	1,3	3	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154128	ĐOÀN XUÂN	DH12OT	<i>Duan</i>	2	15	0,4	4,2	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11134007	ĐÀO MINH	DH11GB	<i>Minh</i>		15	9,3	2,3	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10154023	THẠCH	DH10OT	<i>Thach</i>		12	2,2	4,3	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344063	TRIỀU CÁ	CD11CI	<i>Muc</i>		15	9,9	3,3	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153106	BÙI VIỆT	DH12CD	<i>Bui</i>		15	0,6	2,3	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115157	THÁI THỊ KIM	DH12GN	<i>Kim</i>		15	1,8	3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344172	TRINH HỮU	CD12CI	<i>Trinh</i>		15	1,1	3,1	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115005	NGUYỄN THANH	DH12GN	<i>Thanh</i>		15	2,1	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiệu điểm : 33

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Minh
N.V. Kiệp

Đặng Trung Nam

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Vũ Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV337 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	11344030	LÊ MINH NHÂN	CD11CI			45	46	33	64	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12154138	MAI THANH NHÂN	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	12115151	PHẠM HOÀNG YẾN	DH12GN			45	2	34	69	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
4	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHƠN	DH11OT			45	08	56	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
5	12115298	ĐẶNG QUỲNH NHƯ	DH12GN			45	49	4	74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT			44	44	60	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
7	10137008	NGUYỄN THÀNH PHẦN	DH10NL			45	11	35	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH12OT			45	18	29	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	11134012	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	DH11GB			45	1	6	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12115012	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	DH12GB			45	48	42	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT			45	07	48	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	11344067	NGUYỄN TẤN TÀI	CD11CI			45	22	60	97	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD			45	46	37	68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT			45	03	24	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12115256	TRẦN VIỆT TÂN	DH12GN			45	21	47	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12115028	LÊ NHẬT THANH	DH12GB			45	2	43	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
17	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH10OT			44	13	17	44	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	12115031	LÊ VĂN THI	DH12GB			45	13	34	62	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV337 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12115212	PHẠM THỊ HỒNG	THU	<i>Phạm Hồng</i>		15	18	3	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115275	THÁI KIM	THUY	<i>Thái Kim</i>		15	21	4	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115196	TRẦN THỊ MINH	THU	<i>Trần Minh</i>		15	21	4	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11169015	LÊ TẤN	THƯƠNG	<i>Le Tan</i>		11	1	15	36	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115009	BÙI THỊ CẨM	TIỀN	<i>Bui Cam</i>		15	2	12	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153013	TRẦN MINH	TIỀN	<i>Tran Minh</i>		15	06	13	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115307	HUỖNH VĂN	TÍNH	<i>Huynh Van</i>		15	18	28	61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	<i>Nguyen Thanh</i>		15	11	19	45	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10137025	NGUYỄN NHẬT	TRIỀU	<i>Nguyen Nhat</i>		15	15	53	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138130	PHẠM VIỆT	TRUNG	<i>Pham Viet</i>		12	15	35	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	<i>Ngô Nhat</i>		15	15	4	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11344047	NGUYỄN MINH	TUẤN	<i>Nguyen Minh</i>		15	19	43	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12138087	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	<i>Truong Thi</i>		15	2	15	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12137049	NGUYỄN QUỐC	VINH	<i>Nguyen Quoc</i>		15	13	4	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng và ng:

Hiệu n diện n:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Ngô Hải Đăng

Ngô Thị Phương Thảo

Quang Thinh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngô Hải Đăng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (K%)	Đ 2 (K%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11169001	HÀNH NHỊ QUỐC AN	DH11GN	An		6,6	9,6	3,1	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	Anh		1,5	2,3	4,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	Bao		1,5	1,8	4,3	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	Bui		1,5	1,1	3,2	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115226	NGUYỄN THỊ CÔNG BÌNH	DH12GN	Binh		1,5	1,9	3,4	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154050	QUẢNG THIÊN CHUÔNG	DH12OT	Thien		1,5	1,6	3,7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT	Duy		1,4	1,1	4,1	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138002	LÊ ĐỨC DUY	DH12TD	Duy		1,5	1,8	3,2	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	Duy		1,5	2	3,7	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	Phat		1,5	1,5	5,1	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153060	TRƯƠNG VĂN ĐIỀN	DH10CD	Dien		1,5	2	3,3	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH12OT	Phuong		1,5	1,5	4,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153059	HỒ ANH ĐÔNG	DH12CD	Anh		1,5	1,3	4,8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	Dua		1,5	1,8	4,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344143	HỒ VĂN HÀ	CD12CI	Ha		1,5	6,8	2,3	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118111	LÊ MINH HẢI	DH12CC	Minh		1,5	6,8	1,5	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12115287	TRẦN THỊ THU HẢI	DH12CB	Thu		1,5	1	3	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153065	TRẦN VĂN HẠNH	DH12CD	Hanh		1,4	1	3,1	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết máy - 207100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thí PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (45%)	Đ 2 (45%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	<i>ngv</i>		115	118	3,2	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115242	PHẠM THỊ THÚY	DH12GB	<i>phth</i>		115	116	3,1	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>nmh</i>		099	095	3	414	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153084	NGUYỄN HOÀNG HUY	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC	<i>trq</i>		114	096	2,6	416	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153176	ĐOÀN TỔ HỮU	DH12CD	<i>dt</i>		115	098	4,4	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137028	NGUYỄN VĂN KHOA	DH12NL	<i>kh</i>		115	096	4,2	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL	<i>pl</i>		115	113	3,5	63	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CX	<i>ptl</i>		115	113	3,3	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI	<i>nl</i>		114	117	3,8	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12115202	PHẠM THỊ THU LINH	DH12GN	<i>pttl</i>		115	2	3	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115048	VÕ TRƯỞNG TỔ LINH	DH12GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153189	TẠ DUY LONG	DH12CD	<i>tdl</i>		114	116	4,2	712	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	CD11CI	<i>xt</i>		115	094	2,1	410	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiệu diện : 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Hùng

Trần Quang Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn học : Chi tiết máy - 207100

Ngày thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (45%)	Đ 2 (45%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12115084	TRẦN THỊ LỢI	DH12CB			1,5	0,6	4,8	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344084	NGUYỄN NHƯ LƯÂN	CD12CI			1,5	1,3	3,3	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344082	LÊ VĂN LUYỆN	CD12CI			1,5	1,1	1,6	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153179	ĐÌNH QUANG LƯƠNG	DH12CD			1,5	1,3	1,0	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			1,5	1,5	3,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD			1,5	1,7	3	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154010	NÔNG TRỌNG NGHĨA	DH11OT			1,5	2,2	4,6	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115144	MAI THỊ THẢO NGUYỄN	DH12GN			1,5	0,9	3,9	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115251	THÁI THỊ THANH NHÀN	DH12GN			1,5	1,3	1,9	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD			1,5	1,6	4,4	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD			1,4	1,6	3,4	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11344037	VŨ PHI PHỤNG	CD11CI			1,5	1,7	3,9	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD			1,5	1,3	3,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118080	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG QUÝ	DH12CC			1,5	0,8	2,6	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138090	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	DH12TD			1,5	1,6	3,7	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154015	THÔNG PHỐ SẴU	DH11OT			1,5	1,7	4,6	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	DH10OT			1,5	2,1	3,7	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115026	HOÀNG VĂN TAM	DH12CB			1,5	2,2	4,4	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Chi tiết mã y-207/100

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thí PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (15%)	Đ 2 (25%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT			115	211	56	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115032	PHAN NGOC THUY	DH12GB			115	211	38	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115305	TRẦN NHẬT TIẾN	DH12GN			115	073	412	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD			115	418	35	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK			114	1	2	2,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115107	TRẦN NGỌC TRÂM	DH12GB			115	1	414	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH12CK			115	416	415	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344137	LÊ HIẾU TRUNG	CD12CI			115	076	415	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115162	PHẠM TRÍ TRUNG	DH12GN			115	1	314	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12115182	NGUYỄN THỊ HỒNG TUYÊN	DH12GN			115	113	412	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138083	BÙI MINH VI	DH12TD			115	419	219	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153164	VÕ XUÂN VINH	DH12CD			115	079	416	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI			115	416	416	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154013	LÝ KIM XÀI	DH12OT			114	115	216	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiện diện : 32

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Phan Minh An

Vuong Hiep Tien

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Vuong Hiep Tien

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phóng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	1213B115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>Thl</i>		8	8	5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115075	BÙI THỊ MINH	DH12GB	<i>Minh</i>		8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115148	VĂN THỊ LỆ	DH12GB	<i>Chl</i>		9	9	9	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG	DH12TD	<i>Truong</i>		4	7	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153036	HỮA THANH	DH12CD	<i>Thanh</i>		8	9	2	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154052	NGUYỄN QUỐC	DH12OT	<i>Quoc</i>		8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154225	LÊ MINH	DH12OT	<i>Minh</i>		8	2	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115216	NGUYỄN THỊ	DH12GB	<i>Dung</i>		5	2	6	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154059	NGUYỄN HOÀNG	DH12OT	<i>Hoang</i>		7	8	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344033	TRẦN	CD12CI	<i>Tran</i>		7	2	6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12137012	NGUYỄN VĂN	DH12NL	<i>Van</i>		8	6	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115240	ĐOÀN THỊ THU	DH12GN	<i>Thu</i>		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115046	HUỖNH KIM	DH12CB	<i>Kim</i>		8	3	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118111	LÊ MINH	DH12CC	<i>Minh</i>		6	2	6	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153018	DƯƠNG SỸ	DH12CD	<i>Ha</i>		2	2	2	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115159	NGUYỄN THỊ HỒNG	DH12GN	<i>Hong</i>		8	7	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154226	KIỀU VÂN	DH12OT	<i>Van</i>		7	3	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154092	NGUYỄN ĐỨC	DH12OT	<i>Duc</i>		7	9	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	13153096	DƯƠNG ĐỨC	HIẾU	DH13CD	Hiếu	5	2	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115289	ĐỖ NGỌC	HIẾU	DH12CB	Hu	8	9	1	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154082	NGUYỄN THANH	HÓA	DH12OT	Th	6	8	1	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153084	NGUYỄN HOÀNG	HUY	DH12CD	✓	✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154063	TRẦN HOÀNG	HUY	DH11OT	Huy	8	2	8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115077	TRẦN THỊ	HUYỀN	DH12GB	Th	8	8	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115004	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	DH12GN	Th	8	3	5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115145	LÊ THỊ	HƯƠNG	DH12GB	Th	9	9	8	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154066	TRẦN CÔNG	KHANG	DH12OT	Th	8	9	7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	DH12OT	Th	4	2	1	1,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344075	TRẦN XUÂN	LIÊN	CD12CI	Th	7	8	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344014	NGUYỄN VŨ	LINH	CD12CI	Th	8	2	5	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344047	TRƯƠNG HOÀI	LONG	CD12CI	✓	✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344077	LÊ THÀNH	LỘC	CD12CI	Th	6	7	6	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115084	TRẦN THỊ	LỢT	DH12CB	Th	8	9	8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344082	LÊ VĂN	LUYỆN	CD12CI	Th	8	7	3	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiệu điểm : 32

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Thầy Lê Văn Tuấn

Thầy Đặng Trung Nam

Thầy Võ Văn Tuấn

Thầy Võ Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết t-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	11344061	HÀ TẤN	LƯC	CD11CI						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11169005	TRƯƠNG NGỌC	MINH	DH11GN	<i>Ng</i>	8	8	3	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09115028	ĐỖ XUÂN	MỪNG	DH09CB	<i>Đỗ</i>	7	6	8	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115294	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH12CB	<i>My</i>	8	9	9	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153006	TRƯƠNG HOÀI	NAM	DH12CD	<i>Tr</i>	1	2	2	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138131	LÊ QUANG	NGOC	DH12TD	<i>Le</i>	7	2	1	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12115251	THÁI THỊ THANH	NHÂN	DH12GN	<i>Th</i>	6	2	9	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12137034	VÕ THANH	NHANH	DH12NL	<i>Thanh</i>	5	8	1	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	DH12CD	<i>Ho</i>	7	2	1	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115146	VÕ THỊ XUÂN	NHÂN	DH12GB	<i>Vu</i>	7	2	1	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344100	PHẠM QUỲNH	NINH	CD12CI	<i>Ph</i>	8	7	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344101	LÊ HỒNG	PHONG	CD12CI	<i>Le</i>	7	2	3	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115012	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	DH12GB	<i>Phu</i>	8	9	9	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115203	THÂN THỊ MỘNG	QUỲNH	DH12CB	<i>Th</i>	8	8	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13115370	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	DH13GN						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153133	NGUYỄN THANH	TẤN	DH12CD	<i>Ng</i>	5	6	1	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12115028	LÊ NHẬT	THANH	DH12GB	<i>Le</i>	8	6	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115258	NGÔ KIM	THÀNH	DH12CB	<i>Ng</i>	8	9	5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL	Hung		8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115031	LÊ VĂN THỊ	DH12GB	Vũ		8	2	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09119038	BÙI TẤN	DH09CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11134010	LÊ TRÀ	DH11GB	Trà		8	7	1	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115212	PHẠM THỊ HỒNG	DH12CB	Hồng		8	8	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI	Minh		6	2	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115307	HUỖNH VĂN TÍNH	DH12GB	Tính		8	2	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI	Toàn		8	2	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115308	NGUYỄN NỮ THIÊN	DH12CB	Trang		8	8	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	Trâm		5	2	1	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344137	LÊ HIỂU TRUNG	CD12CI	Trang		7	2	1	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12137003	LÊ THÀNH TRUNG	DH12NL							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115218	TRẦN LÊ CẨM TÚ	DH12CB	Tú		7	8	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT	Kim		8	8	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	Thị		4	2	2	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD	Viên		8	2	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 07 Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trang 4 N.V. Kiệp

Trang 4 N.V. Kiệp

Trang 4 N.V. Kiệp

Trang 4 N.V. Kiệp

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
								40	60%		
1	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT	<i>anh</i>	1		0,8	0,0	0,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344009	NGUYỄN NGỌC TUẤN	CD12CI	<i>tuấn</i>	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154034	TRẦN TUẤN	DH12OT	<i>tuấn</i>	1		3,8	4,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154037	TRẦN THIÊN	DH12OT	<i>thiên</i>	1		2,0	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154190	TRẦN VĂN	DH12OT	<i>van</i>	1		3,2	5,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	DH12OT	<i>quốc</i>	1		2,4	2,5	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153041	NGUYỄN CHÍ	DH12CD	<i>chi</i>	1		0,8	2,5	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115230	ĐINH THỊ KIỀU	DH12CB	<i>kiều</i>	1		4,0	2,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115315	LÊ THỊ	DH12GN	<i>thị</i>	1		2,8	1,5	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154039	TRẦN TIẾN	DH12OT	<i>tiến</i>	1		2,0	1,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344012	ĐÀO CÔNG	CD12CI	<i>cong</i>	1		0,4	3,6	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344163	VĂN VĂN	CD12CI	<i>van</i>	1		0,8	0,0	0,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138035	PHAN TIẾN	DH12TD	<i>tiến</i>	1		2,4	1,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154148	NGUYỄN TRIỆU	DH12OT	<i>trieu</i>	1		2,0	1,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	DH12OT	<i>phuong</i>	2		2,0	4,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153059	HỒ ANH	DH12CD	<i>anh</i>	1		4,0	0,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334050	NGUYỄN TÂN	CD13CI	<i>tan</i>	1		0,8	0,5	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344143	HỒ VĂN	CD12CI	<i>van</i>	1		4,0	1,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12115002	TRẦN THỤC KHÁNH HẬU	DH12GB		1		4,0	5,0	9,0		
20	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK		1						
21	12115018	DƯƠNG VĂN HOÀNG	DH12CB		1		2,0	2,0	4,0		
22	12344055	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	CD12CI		1		0,8	0,0	0,8		
23	10119018	NGUYỄN MINH HUẤN	DH10CC		1						
24	12138042	HOÀNG PHI HÙNG	DH12TD		1		3,6	2,8	6,4		
25	12344200	TRẦN QUỐC HUY	CD12CI		1						
26	12115020	LƯU MÔNG HUYỀN	DH12GN		1		3,2	1,0	4,2		
27	13115230	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	DH13GN		1		0,8	5,0	5,8		

Số lượng vắng : 4 Hiện diện : 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL	<i>hu</i>			0,8	4,5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334090	TRẦN DUY	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115207	TRẦN HÀ	DH12CB	<i>ha</i>			3,6	1,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12115206	TRẦN THỊ KIM	DH12CB	<i>tk</i>			0,8	0,5	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153176	ĐOÀN TỐ	DH12CD	<i>to</i>			3,6	6,0	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344067	TRỊNH CAO	CD12CI	<i>ca</i>			4,2	1,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	<i>lm</i>			2,0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115318	HỒ THÙY LINH	DH12CB	<i>th</i>			1,2	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI	<i>lin</i>			0,0	1,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115202	PHẠM THỊ THU LINH	DH12GN	<i>th</i>			2,4	1,8	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12115048	VÕ TRƯƠNG TỐ LINH	DH12GN	<i>lin</i>			2,4	1,8	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115249	PHẠM THỊ KIM	DH12CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115208	NGUYỄN VƯƠNG LONG	DH12GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344078	TRẦN ĐỨC	CD12CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138069	NGUYỄN BÁ LỘC	DH12TD	<i>loc</i>			3,2	4,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115268	TRẦN BÁ LỘC	DH13GN	<i>loc</i>			2,8	2,7	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344080	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>loc</i>			0,4	2,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI	<i>lu</i>			2,4	1,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12115205	LÊ VĂN NGÂN	DH12GB	<i>Ngân</i>			0,8	4,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115157	THÁI THỊ KIM	DH12GN	<i>Sương</i>			0,8	2,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115296	LÊ NGHĨA	DH12CB	<i>Nghe</i>			2,4	4,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115298	HỒ ĐOÀN KHÔI	DH13GN	<i>Nguyen</i>			2,8	2,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138044	PHẠM PHÚC	DH12TD	<i>Phu</i>			1,2	1,0	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115006	LÊ HỒ ÁI	DH12GN	<i>Zulian</i>			0,8	1,5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115098	ĐÀO HỒNG	DH12CB	<i>nhon</i>			3,2	3,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115108	NGUYỄN THÀNH NHON	DH12CB	<i>nhon</i>			0,4	2,5	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	DH12CD	<i>Phat</i>			4,0	4,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 4 Hiện diện : 23

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Truong Quang Trung

Le Quang Tri

Truong Quang Trung

Truong Quang Trung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV225 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344155	NGUYỄN VĂN PHÉ	CD12CI	<i>Phé</i>			0,4	1,0	1,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153120	MAI TUẤN	DH12CD	<i>Ma</i>			2,4	1,0	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344185	NGUYỄN THANH	CD12CI	<i>Thanh</i>			0,4	0,0	0,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344107	NGUYỄN LỘC	CD12CI	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115153	ĐẶNG HOÀI	DH12CB	<i>ĐH</i>			0,4	0,0	0,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153125	ĐỖ BÁ	DH12CD	<i>ĐB</i>			2,0	1,0	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154247	NGUYỄN CHÁNH	DH12OT	<i>Chánh</i>			0,8	1,5	2,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	DH12OT	<i>ĐD</i>			2,0	2,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115026	HOÀNG VÂN	DH12CB	<i>HV</i>			4,0	2,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154083	LÊ THANH	DH12OT	<i>LTH</i>			2,8	4,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	DH11OT	✓						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344175	PHAM NGOC	CD12CI	<i>PN</i>			0,8	0,0	0,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334182	PHAN VĂN	CD13CI	<i>PhV</i>			2,8	3,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD	<i>TD</i>			2,8	1,5	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115257	TRẦN THỊ LAN	DH12CB	<i>TL</i>			2,0	3,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154038	NGUYỄN HOÀNG	DH10OT	<i>NH</i>			0,8	2,0	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344041	NGUYỄN VĂN	CD11CI	<i>NV</i>			3,2	4,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153141	TRẦN NGỌC	DH12CD	<i>TN</i>			1,2	1,0	2,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi PV225 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344111	VÕ TẤN	THIỆN	CD12CI			0,4	1,0	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115054	TRẦN QUỐC	THỊNH	DH12CB			3,2	1,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12115275	THAI KIM	THÚY	DH12GN			2,0	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154020	VŨ TRẦN	TIẾN	DH11OT			0,0	0,0	0,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344134	ĐÀO MINH	TÍNH	CD12CI			3,2	4,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115056	TRẦN HỮU	TÍNH	DH12CB			2,8	4,0	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115431	PHẠM NGUYỄN UYÊN	TRANG	DH13GN			0,8	0,3	1,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115058	VŨ HỒNG	TRƯƠNG	DH12CB			2,0	0,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344148	TRẦN MINH	TÚ	CD12CI			0,4	0,0	0,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115463	TRỊNH CÔNG	TÚ	DH13GN			2,0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154065	ĐINH LÊ HOÀNG	TUẤN	DH12OT			1,2	3,0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH12CD			3,2	2,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12115182	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYÊN	DH12GN			2,8	5,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12115190	ĐẶNG NGỌC	TỰ	DH12GN			0,4	3,6	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13115466	VŨ NHỰT	TƯỜNG	DH13GN			0,8	1,8	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154013	LÝ KIM	XÁI	DH12OT			0,8	0,0	0,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12115189	NGUYỄN THỊ VƯƠNG	XUÂN	DH12GN			4,8	1,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344164	ĐẶNG MINH CHÂU	CD12CI	Chau		6,5	10	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	Ngô		9	10	7,5	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13138030	TRẦN HUY CHUÔNG	DH13TD	Tran		8,5	10	3,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	Dung		5	6	5,5	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	09158009	TRẦN TỬ DŨNG	DH09SK	Tran		7	7	5,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	6	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CK	Duy	7	8	3,5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	7	13118096	MAI THÀNH DUY	DH13CC	My	8	8	7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
-	8	12344163	VĂN VĂN DUY	CD12CI						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
	9	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH ĐỨC	DH13CK	Trinh	6,5	8	5,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
	10	13138054	TỔNG THỊ THU HÀ	DH13TD	Thur	9	10	8	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
-	11	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD	Tran					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	12	13137056	ĐỖ VĂN HIẾU	DH13NL	Duy	6,5	10	6	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	13	11169004	NGUYỄN THỊ KIM HOA	DH11GN	Kim	7	10	8,5	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	14	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT	Le	7	10	7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
	15	09118006	VÕ BÀ HOÀNG	CD12CI	Vo	0	0	1	0,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
	16	13118163	LÂM THÁI HÙNG	DH13CC	Thai	5	10	7	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
+	17	13118020	NHỮ SỸ HÙNG	DH13CK	Hung	8	10	7	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
	18	13118159	LƯU QUỐC HUY	DH13CK	Huy	7	6	2,5	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG HUY	DH12CC			7	9	4	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115145	LÊ THỊ HƯƠNG	DH12GB			7	10	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11137006	TRẦN VĂN KHANH	DH13CC			9	8	5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138099	CAO HOÀNG LÂM	DH13TD			7,5	10	6,5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11119001	NGUYỄN NGỌC LÂM	DH11CC			9	10	6	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118200	ĐẶNG HOÀNG LONG	DH13CK			6,5	10	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118201	NGUYỄN TẤN LỘC	DH13CK			5,5	10	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI			6,5	10	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC			7	9	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137090	CHAU VĂN NẾK	DH13NL			6,5	10	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI			0	0	1,5	1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138141	NGUYỄN HUỖNH NHƯÔNG	DH13TD			8,5	10	8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118231	NGUYỄN VĂN PHI	DH13CK			7	10	3	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng ng vss ng:

Hiệu n điểm n: :

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi HD202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138157	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	<i>Phúc</i>		7,5	10	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10344019	TRẦN HỮU PHƯỚC	CD10CI	<i>Hu</i>		6	10	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115153	ĐẶNG HOÀI PHƯƠNG	DH12CB	<i>Hoai</i>		6,5	8	4	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11134012	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	DH11GB	<i>Phu</i>		8	10	3,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11115013	TRẦN ĐÌNH QUÍ	DH11CB	<i>Qu</i>		6,5	8	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	<i>Son</i>		7,5	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118259	HUỲNH TRỌNG TÀI	DH13CK	<i>Tr</i>		5	10	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>Ng</i>		6	8	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137122	ĐỖ KHÁNH TÂM	DH13NL	<i>Kh</i>		6	10	8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL	<i>Ng</i>		6,5	10	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115383	KHIU XUÂN THẠCH	DH13GB	<i>Th</i>		8	10	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118052	CAO NGOC THẬN	DH13CC	<i>Ng</i>		6,5	10	8,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115304	VÕ THANH THIÊN	DH12GN	<i>Th</i>		7,5	10	9,5	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ THOÁNG	DH08SK	<i>Th</i>		8	10	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI	<i>Van</i>		5	10	1	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138227	PHẠM ĐÌNH TRANG	DH13TD	<i>Ph</i>		6,5	10	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	<i>Ng</i>		5,5	10	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344137	LÊ HIẾU TRUNG	CD12CI	<i>Tr</i>		7	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 27/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số lời	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm m thi (10%)	Điểm m T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138234	NGUYỄN PHAN HÀI	TRƯỜNG	DH13TD	<i>Trương</i>	5,5	10	3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	CD11CI	<i>Trần</i>	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	DH12TD	<i>Võ Đình</i>	8	10	5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138019	BÙI VĂN	TUẦN	DH13TD	<i>Phạm Tuấn</i>	7,5	10	6,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118330	ĐOÀN MINH	TUẦN	DH13CK	<i>Đoàn Minh</i>	5	10	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118337	NGUYỄN THANH	TUẦN	DH13CK	<i>Nguyễn Thanh</i>	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH12CC	<i>Nguyễn Thanh</i>	5	10	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118339	NGUYỄN MINH	TUYỀN	DH13CK	<i>Nguyễn Minh</i>	5,5	8	0,5	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344093	CAO TRẦN NHẬT	VÍ	CD12CI	<i>Cao Trần Nhật</i>	8,5	8	0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153162	HOÀNG TRỌNG	VĨNH	DH12GD	<i>✓</i>					0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118106	PHẠM VĨNH	VŨ	DH12CC	<i>Phạm Vĩnh</i>	6,5	8	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118358	VÕ ĐỨC	VŨ	DH13CK	<i>Võ Đức</i>	7	10	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11344058	NGUYỄN MINH	VƯỢNG	CD11CI	<i>Vượng</i>	8	10	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 1
Cá nhân coi thi 1

Hiệu điện : 30

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Trần Văn Xích

Phạm Minh Hiền

TS. Nguyễn Đình Bình

Vương Đình Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10154056	TRẦN NGỌC	Á1	DH10OT	1	5	9	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	10137061	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	DH10ML	1	4	9	8	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12153028	DƯƠNG GIA	BẢO	DH12CD	1	6	7	10	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11134006	LÂM NGỌC	BÍCH	DH11GB	1	2	7	0	1,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	11158076	NGUYỄN THỊ	CHÂU	DH11SK	1	5	6	3	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12344193	NGUYỄN HẢI	CHÍ	CD12CI	1	4	6	10	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12153036	HỨA THANH	CHUNG	DH12CD	1	6	8	8	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12154050	QUẢNG THIÊN	CHƯƠNG	DH12OT	1	5	9	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12154225	LÊ MINH	CƯỜNG	DH12OT	1	5	9	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	09153043	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	DH09CD	1	9	9	8	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12154063	BÙI THÀNH	DUY	DH12OT	1	5	9	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DƯƠNG	DH12TD	1	6	9	8	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13153061	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH13CD	1	3	9	7	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12154075	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	DH12OT	1	5	4	10	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12344036	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD12CI	1	7	9	0	3,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12153167	TRƯƠNG PHÁT	ĐẠT	DH12CD	1	2	9	6	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	10154008	HÀ XUÂN	ĐƯƠNG	DH10OT	1	5	9	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12154215	BÙI ĐỨC	GIANG	DH12OT	1	5	3	2	2,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	DH11SK	<i>nguyen</i>	1	4	8	2	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT	<i>Chau</i>	1	5	7	10	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	<i>An</i>	1	5	0	4	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11158069	NGUYỄN LÊ HOÀI	DH11SK	<i>Hoai</i>	1	2	7	4	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153109	NGUYỄN TẤN HỒNG	DH13CD	<i>Hy</i>	1	4	6	3	3,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC	<i>Minh</i>	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT	<i>Tran</i>	1	5	9	4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12138053	VŨ QUANG HÙNG	DH12TD	<i>Hung</i>	1	5	7	10	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153046	VŨ QUANG HÙNG	DH12CD	<i>Quang</i>	1	2	8	7	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11158079	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DH11SK	✓	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138099	CAO HOÀNG LÂM	DH13TD	<i>cao</i>	1	3	5	1	2,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2

Hiệu điện: 27

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Trần Văn Tuấn

Vũ Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật điện tử - 207110

Ngày thi : 25/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT102 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (60%)	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI	<i>Linh</i>		4	5	2	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12138066	ĐẶNG TIẾU LONG	DH12TD	<i>Long</i>		4	9	4	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI	<i>Hoai</i>		2	9	6	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH12OT	<i>Huu</i>		5	5	10	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI	<i>Ngoc</i>		2	7	4	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13153164	LƯU NGOC NHÂN	DH13CD	<i>Nhan</i>		2	8	0	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	09158048	TRẦN ĐỨC NHON	DH09SK	<i>Duc</i>		8	9	10	9,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	11158100	TRẦN MINH PHỤNG	DH11SK	<i>Phung</i>		5	4	0	1,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	<i>Ba</i>		6	9	6	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>Tai</i>		8	5	3	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	11154017	DƯƠNG NGUYỄN KHÁNH TÂN	DH11OT	<i>Khanh</i>		5	7	4	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	08118015	LƯƠNG HOÀNG THAI	DH08CK	<i>Thai</i>						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thanh</i>		5	9	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	09154095	TRẦN HUY THÀNH	DH09OT	<i>Huy</i>		2	7	7	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>Thang</i>		4	7	7	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD	<i>Thang</i>		5	9	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12115031	LÊ VĂN THI	DH12GB	<i>Thi</i>		2	9	2	3,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK	<i>Thinh</i>		6	4	0	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện tử -207110

Ngày thi : 25/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT102 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ	THOÁNG	DH08SK	2	9	4	4,6		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12344192	NGUYỄN VĂN	THỜI	CD12CI	4	8	0	2,4		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12344126	VÕ	THOM	CD12CI	4	9	0	2,6		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	10153046	LÊ VĂN	THƯƠNG	DH10CD	2	9	5	5,2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12137003	LÊ THÀNH	TRUNG	DH12NL	✓					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	11154053	HUYỀN THANH	TÙNG	DH11OT	9	6	7	7,2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12118108	LÊ QUANG	TƯỜNG	DH12CK	✓					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12344153	TRẦN ĐÌNH	TƯỜNG	CD12CI	4	9	6	6,2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12118106	PHẠM VINH	VŨ	DH12CC	4	4	6	5,2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	DH12TD	4	9	5	5,6		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	11344058	NGUYỄN MINH	VƯỢNG	CD11CI	9	0	5	4,8		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 3

Hiệu điểm : 26

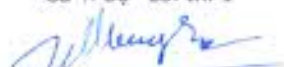
Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2


Lê Quang Trí


Phan Minh Thìn


Hoàng Đình Bảo


Trần Thị Kim Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn Lý má y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH13OT	An	10	20	20	2,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD	Anh	1,0	1,0	2,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	Anh	1,0	1,0	2,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138029	NGÔ THIẾ CHUNG	DH13TD	Thi	1,0	1,0	4,5	6,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138030	TRẦN HUY CHƯƠNG	DH13TD	Huy	1,0	0,0	0,8	1,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	Thanh	1,0	0,5	0,8	2,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD	Di	0,0	0,0	4,0	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	Dung	1,0	0,8	2,5	4,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138001	HOÀNG VĂN DŨNG	DH13TD	Hu	1,0	0,0	0,8	1,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12115234	NGUYỄN ANH DŨNG	DH12GN	Nh	1,0	1,5	4,5	7,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153061	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH13CD	Đại	1,0	1,0	5,3	7,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI	Lu	1,0	0,8	1,0	2,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	Hu	1,0	0,5	3,5	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI	Vi	1,0	1,25	0,95	3,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344143	HỒ VĂN HÀ	CD12CI	Ha	1,0	0,8	3,0	4,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10344053	PHẠM THANH HÁT	CD10CI	Ph	1,0	0,5	2,5	4,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12115287	TRẦN THỊ THU HÁT	DH12CB	Th	1,0	0,75	1,75	3,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH12OT	Hu	1,0	1,0	3,8	5,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH13OT	<i>gđ</i>		1,0	0,8	2,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153080	NGUYỄN VĂN HÒA	DH12CD	<i>nguyễn</i>		1,0	0,5	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138098	PHAN HUY HOÀNG	DH12TD	<i>R</i>		1,0	1,0	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153109	NGUYỄN TẤN HỒNG	DH13CD	<i>tấn</i>		1,0	0,5	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD	<i>gia</i>		1,0	0,5	0,8	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD	<i>lê</i>		1,0	0,25	3,25	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154015	NGUYỄN THIÊN KHAI	DH12OT	<i>thiên</i>		1,0	1,0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153177	TRẦN QUỐC KHANH	DH12CD	<i>quốc</i>		1,0	0,0	0,3	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344026	QUANG ĐAI KHAM	CD11CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154131	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13OT	<i>đăng</i>		1,0	0,5	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>chánh</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12137032	PHẠM PHÚ LÂN	DH12NL	<i>phạm</i>		1,0	1,0	2,3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÚY	DH10GN	<i>thúy</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI	<i>đức</i>		1,0	0,5	1,3	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344080	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>thành</i>		1,0	1,3	1,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153197	TÔ THÁI MINH	DH12CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13137087	BÙI PHÚ HOÀNG NAM	DH13NL	<i>phú</i>		1,0	1,0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12115042	VÕ THỊ BẢO NGÂN	DH12GN	<i>bảo</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 001

Trang 3/2

Mã nhận dạng 00396

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	10344028	NGUYỄN VĂN NGHĨA	CD10CI			1,0	0,5	3,3	4,8		

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

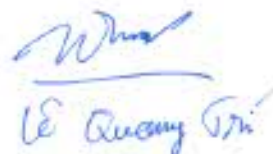
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

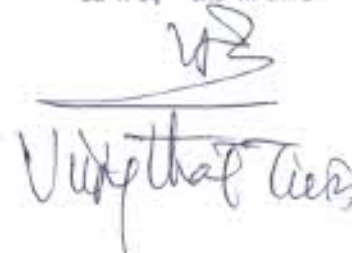
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Văn Tiến


Lê Quang Trí


Nguyễn Văn Nghĩa


Vũ Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						10	20	70			
1	13153164	LƯU NGỌC NHẤN	DH13CD	<i>al</i>		1,0	0,8	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153114	NGUYỄN HOÀI NHẤN	DH12CD	<i>th</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115271	ĐẶNG HOÀNG PHÉP	DH12CB	<i>Phép</i>		1,0	1,0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344101	LÊ HỒNG PHONG	CD12CI	<i>Phong</i>		1,0	1,0	0,8	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138153	HUYỀN HOÀNG PHÚ	DH13TD	<i>Phu</i>		1,0	0,5	4,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11134012	HUYỀN NGỌC PHƯƠNG	DH11GB	<i>ML</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12118114	TÔ NGỌC QUANG	DH12CC	<i>Quang</i>	2	1,0	1,0	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT	<i>Xuan</i>		0,0	0,3	1,0	1,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	<i>Quy</i>	2	1,0	1,0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11344067	NGUYỄN TÂN TÀI	CD11CI	<i>Tai</i>	2	1,0	1,25	6,25	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138185	LÊ DUY TÂN	DH13TD	<i>Tan</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137124	VŨ ĐỨC TÂN	DH13NL	<i>Tan</i>	2	1,0	0,5	3,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK	<i>Thai</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118092	NGUYỄN CHÍ THANH	DH12CK	<i>Thanh</i>	2	1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153138	ĐOÀN VĂN THÁNH	DH12CD	<i>Thanh</i>		1,0	0,3	2,0	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154182	PHAN DUY THẨM	DH12OT	<i>Phu</i>	2	1,0	0,25	4,25	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	<i>Thi</i>	2	1,0	1,0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	13138208	NGUYỄN VĂN THIỆN	DH13TD							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11134010	LÊ TRÁ	DH11GB	<i>B</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD	<i>V</i>		1,0	0,25	2,25	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11344049	LÂM HÒA	CD11CI	<i>B</i>		1,0	1,0	4,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12154204	VẠN NGỌC TÌNH	DH12OT	<i>B</i>	2	1,0	1,0	6,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT	<i>to</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	12344181	VĂN ĐỨC	CD12CI	<i>Đức</i>		1,0	0,0	0,0	1,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	<i>ong</i>		1,0	0,75	1,25	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13137151	LÊ MINH TRÍ	DH13NL	<i>Minh</i>		1,0	0,0	0,8	1,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12154201	NGUYỄN THANH TRỌNG	DH12OT	<i>tr</i>		0,0	1,0	0,3	1,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	11169024	NGUYỄN THỊ THANH TRUYỀN	DH11GN	<i>tm</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	13154194	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	DH13OT	<i>Trường</i>		1,0	0,75	0,75	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD	<i>B</i>		1,0	1,0	1,0	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	08154040	NGUYỄN ANH TUẤN	DH08OT	<i>Tuấn</i>		1,0	0,25	0,25	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC	<i>T</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	13154205	NGUYỄN VĂN ÚT	DH13OT	<i>U</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12138135	PHẠM VĂN VŨ	DH12TD	<i>Vũ</i>		1,0	0,0	1,0	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 002

Trang 3/2

Mã nhận đăng ký: 00397

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn lý mã ý-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
37	12118106	PHẠM VINH VŨ	DH12CC	<i>Phu</i>		1,0	0,75	2,25	4,0	⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: 364

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn lý
4 n.v. tiếp

Phạm Minh thiện

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Văn Thiện

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI			1,0	1,0	2,3	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH12OT			1,0	1,0	2,3	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	12115226	NGUYỄN THỊ CÔNG BÌNH	DH12GN		2	1,0	1,0	4,5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI			1,0	0,0	2,0	3,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI			1,0	1,3	0,0	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI			1,0	1,0	1,5	3,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI			1,0	1,0	0,8	2,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12115282	NGUYỄN THANH DUY	DH12GN		2	1,0	0,75	3,25	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	CD12CI			1,0	1,0	1,0	3,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	10154008	HÀ XUÂN ĐƯƠNG	DH10OT			1,0	0,5	1,0	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG GIANG	DH12OT			1,0	0,5	0,3	1,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	12138060	NGUYỄN VĂN HẢI	DH12TD			0,0	0,5	1,0	1,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	10154065	LÝ MINH HẢO	DH10OT		2	1,0	1,0	5,0	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	12154226	KIỀU VÂN HẠ	DH12OT			1,0	0,5	2,8	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT			1,0	1,0	2,5	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK			1,0	1,3	2,0	4,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13138261	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	12115019	PHẠM QUỐC HOÀNG	DH12GN			1,0	1,5	3,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11134004	VÒNG BẢO HỒ	DH11GB	<i>Hồ</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT	<i>Thung</i>		1,0	1,0	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD	<i>Pham</i>		1,0	1,0	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153105	QUÁCH TRỌNG	DH12CD	<i>Quach</i>		0,0	0,0	0,3	0,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154231	THÁI XUÂN	DH12OT	<i>Thuy</i>		1,0	0,75	4,25	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK	<i>Nh</i>		1,0	0,5	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	<i>Lam</i>		1,0	1,0	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118024	NGÔ MINH LAN	DH13CK	<i>Ngom</i>	2	1,0	1,5	6,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI	<i>Tran</i>	2	1,0	1,0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10169007	HÀ TUẤN LINH	DH10GN							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI	<i>Linh</i>		1,0	1,0	0,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL	<i>Phan</i>	2	1,0	1,5	2,3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI	<i>Truong</i>	2	1,0	1,0	2,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	CD11CI	<i>Yuan</i>		1,0	0,75	0,75	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11154045	CHU DỨC MINH	DH11OT	<i>Chu</i>		1,0	0,3	1,0	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12115157	THÁI THỊ KIM NGÂN	DH12GN	<i>Ngan</i>	2	1,0	1,0	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12115144	MAI THỊ THẢO NGUYỄN	DH12GN	<i>Thao</i>		1,0	1,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã Y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi CT101 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI			1,0	1,25	1,25	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD			1,0	0,75	1,75	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thí CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115151	PHẠM HOÀNG YẾN	NHI	DH12GN	<i>Yến</i>	1,0	0,25	2,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115098	ĐÀO HỒNG	NHIÊN	DH12CB	<i>Nhiên</i>	1,0	1,0	1,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344100	PHẠM QUỲNH	NINH	CD12CI	<i>Quỳnh</i>	1,0	0,5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344155	NGUYỄN VĂN	PHÊ	CD12CI	<i>Văn</i>	1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344105	BÙI VĂN	PHÚ	CD12CI	<i>Phú</i>	1,0	0,5	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344107	NGUYỄN LỘC	PHÚC	CD12CI	<i>Loc</i>	1,0	0,8	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154020	HUYỀN THANH	PHÙNG	DH12OT	<i>Thanh</i>	1,0	1,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH12OT	<i>Phước</i>	1,0	1,0	3,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD	<i>Quê</i>	1,0	0,8	0,5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12118079	VÕ HỒNG	QUỐC	DH12CX	<i>Uông</i>	1,0	0,8	0,0	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10134019	HUYỀN THỊ KIM	QUÝ	DH10GB	<i>Xuân</i>	1,0	1,0	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137122	ĐỖ KHÁNH	TÂM	DH13NL	<i>Khánh</i>	1,0	0,8	1,5	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344197	NGUYỄN THÀNH	TÂM	CD12CI	<i>Thành</i>	1,0	0,5	1,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154132	NGUYỄN MINH	TÂN	DH12OT	<i>Minh</i>	1,0	0,25	2,25	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115053	LƯU ĐẠI	THẠCH	DH12GN	<i>Đại</i>	1,0	1,3	7,0	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115008	BÙI LAN	THANH	DH12GN	<i>Thanh</i>	1,0	1,0	3,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153144	LƯU THẾ	THĂNG	DH12CD	<i>Thế</i>	1,0	0,25	1,25	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154187	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	DH12OT	<i>Quốc</i>	1,0	0,5	6,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã Y-207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kế t.	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
19	12115125	NGUYỄN THỊ THƠ	DH12GN	Thơ		1,0	1,0	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	Thời		1,0	0,5	2,0	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344134	ĐÀO MINH TỈNH	CD12CI	Tỉnh		1,0	1,3	6,0	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153198	PHẠM NGỌC TỈNH	DH12CD	Tỉnh		1,0	0,0	1,0	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115262	NGUYỄN THỊ TRANG	DH12CB	Trang		1,0	0,8	1,5	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138227	PHẠM ĐÌNH TRANG	DH13TD	Trang		1,0	1,0	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115156	TRẦN THỊ THÙY	DH12CB	Thuy		1,0	0,5	5,0	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115217	NGÔ THỊ BÍCH	DH12GN	Bích		1,0	1,3	2,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115213	PHẠM THỊ BÍCH	DH12GB	Bích		1,0	1,25	3,75	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10344084	TRẦN HIẾU	CD10CI	Hiếu		1,0	1,0	2,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI	DH13TD	Trường		1,0	1,0	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154241	NGUYỄN DỨC TÙNG	DH12OT	Tùng		1,0	0,25	0,25	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118101	NGUYỄN THANH TÙNG	DH12CC	Tùng		1,0	0,25	2,25	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	10154053	NGUYỄN LƯƠNG TUYẾN	DH10OT	Tuyến		1,0	1,25	4,25	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI	Tường		1,0	0,8	3,0	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	Vĩ		1,0	0,25	0,25	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09119040	NGUYỄN HÙNG VINH	DH09CC	Vinh		1,0	0,5	2,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC	Vinh		1,0	0,5	2,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi CT102 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
37	12344085	HỒ TRẦN VŨ	CD12CI			1,0	1,0	3,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0

Hiện diện : 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Ban Thi

Nguyễn Hùng Khoa

Giảng viên

Vũ Thị Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Sứ c bễ n vậ t liệ u-207113

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyê n	Tô trỏ n điể m phầ n lè
1	11169002	ĐỖ VĂN ANH	DH11GN	<i>[Signature]</i>		0.9	0.6	4	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		1	1.2	1.8	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI	<i>[Signature]</i>		0.8	0.6	0.5	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153012	BÙI THÁI CHINH	DH11CD	<i>[Signature]</i>		1	0.6	1.5	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.7	0.4	1	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115234	NGUYỄN ANH DŨNG	DH12GN	<i>[Signature]</i>		1	0.8	3.7	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH DUY	DH13CK	<i>[Signature]</i>		1	1	2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115282	NGUYỄN THANH DUY	DH12GN	<i>[Signature]</i>		1	0.4	3.6	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153018	ĐINH PHÚC ĐÀI	DH11CD	<i>[Signature]</i>		0.5	0.6	1	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.8	-	0.8	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11344022	NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP	CD11CI	<i>[Signature]</i>		1	1	7	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		-	0.4	0.8	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11115003	VÕ VĂN HIẾN	DH11CB	<i>[Signature]</i>		-	-	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137056	ĐỖ VĂN HIẾU	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1	1.5	3.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137065	HUYỀN NGUYỄN HÒA	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1	1.8	4.7	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	<i>[Signature]</i>		0.8	1.4	3.5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09118006	VÕ BÀ HOÀNG	CD12CI	<i>[Signature]</i>		-	-	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09115018	HÀU ĐỨC HUÂN	DH09CB	<i>[Signature]</i>		1	1	3.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Mô n Hợ c : Sứ c bễ n vậ t liệ u-207113

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyên n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
19	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT			0.3	0.8	3.0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115003	TRẦN LÊ ANH	DH12GN			1	1.6	5	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11118010	SENG ALOUN	KASEUTH			1	1	1	2.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK			1	0.6	1.5	3.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118196	LÊ VĂN LINH	DH13CC			1	1.2	1	3.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344158	NGÔ VŨ LINH	CD12CI			0.8	0.7	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÚY	DH10GN			1	0.6	2.8	4.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11115004	TRẦN THỊ MAI	DH11CB			1	1	2	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10134011	NGUYỄN PHÚC LONG	DH10GB			0.5	0.4	0.5	1.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH12OT			1	1.6	6	8.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC			1	0.6	0.5	2.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11134007	ĐÀO MINH MÃN	DH11GB			0.5	1	0.5	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118062	VÕ THANH MỆNH	DH12CC			0.5	0.4	2.5	3.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137087	BÙI PHỤ HOÀNG	DH13NL			1	1.6	1	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12153106	BÙI VIỆT NAM	DH12CD			1	1.6	1	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137090	CHAU VĂN NÊK	DH13NL			1	1.5	1.5	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12115042	VÕ THỊ BẢO NGÂN	DH12GN			1	1.6	3.5	6.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI			0.3	0.7	1	2.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền và vật liệu-207113

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	11344048	LÊ VĂN	NGOÃN	CD11CI	1	1	1	2.5	4.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12115005	NGUYỄN THANH	NGOC	DH12GN	1	1.6	6.5	9.1		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	10154089	THÁI SINH	NHẬT	DH10OT	0.5	0.5	1	2.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12115151	PHẠM HOÀNG YẾN	NHI	DH12GN	1	1	2	4.0		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

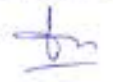
Cán bộ coi thi 1

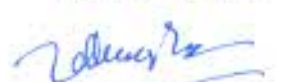
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Đinh Trung Nam


Lê Quang Đức


Vũ Thị Tiên


Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe vật nuôi (u-207113)

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHON	DH11OT	<i>[Signature]</i>	2	1	1.8	4.7	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD	<i>[Signature]</i>		0.5	0.8	1.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI	<i>[Signature]</i>		0.5	0.6	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137054	BÙI VĂN PHÚC	DH12NL	<i>[Signature]</i>		0.5	-	3.5	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154020	HUYỀN THANH PHÙNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0.8	1	2.2	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153009	VÕ MINH PHƯƠNG	DH11CD	<i>[Signature]</i>		0.7	0.6	0.5	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11344038	LÂM TUẤN QUANG	CD11CI	<i>[Signature]</i>	V	-	0.8	-	-	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138010	NGUYỄN MINH QUANG	DH10TD	<i>[Signature]</i>		0.5	0.6	1	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115024	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG QUANG	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1.8	7	9.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD	<i>[Signature]</i>		1	0.4	0.5	1.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10134019	HUYỀN THỊ KIM QUÝ	DH10GB	<i>[Signature]</i>		1	1	1	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11344065	PHẠM QUỐC SINH	CD11CI	<i>[Signature]</i>		1	1	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	<i>[Signature]</i>		1	0.4	1.5	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09138013	NGUYỄN VĂN TÀI	DH09TD	<i>[Signature]</i>		0.6	0.6	0.5	1.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118266	HUYỀN THANH TÂM	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1	1.5	5.5	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0.8	0.7	3	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI	<i>[Signature]</i>		0.8	0.8	1	2.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115256	TRẦN VIỆT TÂN	DH12GN	<i>[Signature]</i>		1	1.2	7	9.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu-207113

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13137124	VŨ ĐỨC TÂN	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1	0.6	0.5	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10137029	NGUYỄN TĂNG THÀNH	DH10NL	<i>[Signature]</i>		-	-	0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153144	LƯU THẾ THẮNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.7	-	0.5	1.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153016	VŨ CAO THẮNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.7	0.6	0.5	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118052	CAO NGỌC THẬN	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1	1.6	3	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI	V	V	-	-	-	-	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153146	NGUYỄN LÝ THỜI	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.7	-	1	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI	V	V	-	-	-	-	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	<i>[Signature]</i>		0.5	0.6	0.5	1.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD	<i>[Signature]</i>		0.4	0.6	2	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12115196	TRẦN THỊ MINH THƯ	DH12GB	<i>[Signature]</i>		1	1.2	4.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11169015	LÊ TẤN THƯƠNG	DH11GN	<i>[Signature]</i>		0.9	0.4	0.5	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD	<i>[Signature]</i>		0.8	1	0.5	2.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138099	NGUYỄN ĐÌNH THY	DH12TD	<i>[Signature]</i>		0.7	0.8	2.5	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13137146	ĐÌNH THANH TOÀN	DH13NL	<i>[Signature]</i>		0.9	0.6	1	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12137056	NGUYỄN TÂN TOÀN	DH13NL	<i>[Signature]</i>		1	2	7	10.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		0.9	0.6	1.5	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12115262	NGUYỄN THỊ TRANG	DH12CB	<i>[Signature]</i>		1	1.6	2.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực-207113

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
37	12115156	TRẦN THỊ THÚY	TRANG	DH12CB	1	1	1	3.5	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12115217	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH12GN	1	1	1	3.5	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12115178	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	TRÂM	DH12GN	1	0.6	1.5	3.1	3.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13137151	LÊ MINH	TRÍ	DH13NL	1	-	0.5	1.5	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154201	NGUYỄN THANH	TRỌNG	DH12OT	0.8	0.4	1	2.2	2.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	CD11CI	1	1	0.5	2.5	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12344052	PHẠM CHÍ	TUẤN	CD12CI	0.5	0.6	0.5	1.6	1.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	DH12OT	-	0.4	0.5	0.9	0.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12118101	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH12CC	0.5	0.6	4	5.1	5.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344153	TRẦN ĐÌNH	TƯỜNG	CD12CI	0.3	0.6	2.5	3.4	3.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153162	HOÀNG TRỌNG	VINH	DH12CD	✓	-	-	-	-	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13137162	NGUYỄN THỊ THU	VUI	DH13NL	1	1.8	6.8	9.6	9.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 4

Hiệu điểm : 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp

Phạm Minh Hiền

Trương Quang Trung

Trương Quang Trung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 03-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiên (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK			4,2	3,8	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118096	HỒ TRẦN TRUNG TRÍ	DH12CC			8,8	4,8	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12118103	TỔNG THANH VINH	DH12CC			3,8	4,8	8,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL			3,4	4,8	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH12OT			4,6	4,8	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT			3,9	3,8	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154015	NGUYỄN THIÊN KHÁI	DH12OT			4,5	4,5	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT			3,9	3,8	7,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH12OT			4,2	4,8	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT			4,2	4,8	9,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH12OT			4,1	4,8	8,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT			4,4	3,8	8,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT			4,3	3,8	8,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH12OT			4,2	3,8	8,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154229	HỒ VĂN HIỀN	DH12OT			4	4,8	8,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI			4	4,3	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI			4,2	4,3	8,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI			3,9	4,8	8,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập gia công - 03-207114

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
19	12344055	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	CD12CI			3,7	4,8		8,5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344067	TRỊNH CAO KÝ	CD12CI			3,7	4,3		8,5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI			4,2	4,3		8,5	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344080	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI			3,1	4,8		7,9	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI			3,8	4,8		8,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI			4,1	4,3		8,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI			3,8	4,3		8,1	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vuong Thanh Tien


N. V. Kiep


Vuong Quang Truong

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại i-207121

Ngày Thi : 26/08/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phóng thi CT201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	11344004	ĐOÀN VŨ THIÊN AN	CD11CI			1	1,2	5,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11134006	LÂM NGỌC BÍCH	DH11GB			1	1,6	5,2	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153045	TRẦN ĐỨC CẢNH	DH13CD			1	1,6	2,8	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD			1	2	4,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138030	TRẦN HUY CHUÔNG	DH13TD			1	1,8	2,2	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118096	MAI THÀNH DUY	DH13CC			1	2	5,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH DUY	DH13CK			0,7	2	3,9	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG DƯƠNG	DH12TD			0,7	1,2	4,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153016	TRẦN THANH HIẾU ĐẾ	DH11CD			1	2	6,3	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD			1	1,4	3,2	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	CD12CI			0,7	1,2	1,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138054	TỔNG THỊ THU HÀ	DH13TD			1	2	5,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD			1	1,8	4,6	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT			1	1,6	1,4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138261	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD			0,7	1,8	2,1	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10344060	VÕ VĂN HOÀNG	CD10CI			0,7	1	5,3	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật lý và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 26/08/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT201 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
						10	20	70%			
19	10119018	NGUYỄN MINH HUÂN	DH10CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT	<i>AK</i>		1	2	6	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344026	QUẢNG ĐẠI KHẮM	CD11CI	<i>AK</i>		0,7	1,6	2,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11158079	NGUYỄN MINH KHƯƠNG	DH11SK	<i>AK</i>		1	1,8	4,3	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344198	CAI TRUNG KIẾT	CD12CI	<i>Kết</i>		0,7	2	3	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138109	TRẦN HOÀI LINH	DH13TD	<i>AK</i>		1	2	4,9	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD	<i>Linh</i>		1	2	5,3	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC	<i>AK</i>		0,7	2	4,9	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138112	ĐẶNG THÀNH LỢI	DH13TD	<i>Luo</i>		1	2	4,9	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344027	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>AK</i>		1	0,6	4,4	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	LỢI	<i>AK</i>		0,7	1,8	4,7	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344084	NGUYỄN NHƯ LƯU	CD12CI	<i>AK</i>		1	1,8	4,2	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11344061	HÀ TẤN LỰC	CD11CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	<i>AK</i>		1	1,8	6,2	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13154036	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH13OT	<i>AK</i>		1	2	6,5	9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

AK
Nguyễn Thị Phương Thảo

AK
N.V. Kiệp

AK
Việc ghi chép lại

AK
Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại-207121

Ngày Thi : 26/08/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phóng thi CT202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
						10	20	70%			
1	11153027	BÙI CÔNG NAM	DH11CD			1	1,4	3,6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137090	CHAU VANH NEEK	DH13NL			1	1,4	4,4	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11344048	LÊ VĂN NGOAN	CD11CI			0,7	2	3,9	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138153	HUYNH HOANG PHU	DH13TD			1	1,8	2,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153128	LÊ HONG PHUC	DH12CD			1	2	4,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138006	ĐẶNG THANH PHUONG	DH10TD			1	1,8	2,4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118241	NGO DUY QUANG	DH13CK			0,7	2	6,6	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12138127	PHAN THANH QUI	DH12TD			1	1,4	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154166	TRẦN VĂN SÁU	DH13OT			1	1,6	6,8	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11344065	PHẠM QUỐC SINH	CD11CI			0,7	1,4	4,9	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137120	TRẦN VĂN SON	DH13NL			1	1,6	3,2	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137122	ĐỖ KHÁNH TÂM	DH13NL			1	1,8	5,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118266	HUYNH THANH TÂM	DH13CC			1	1,8	6,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138067	NGUY THÁNH TÂM	DH12TD			0	0	1	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI			1	1,2	2,6	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137124	VŨ ĐỨC TÂN	DH13NL			1	1,8	3,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344175	PHẠM NGỌC TÂN	CD12CI			1	1,2	5,3	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12115258	NGÔ KIM THÀNH	DH12CB			1	2	4,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Vật liệu và công nghệ kim loại I-207121

Ngày Thi : 26/08/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
					10	20	70%				
19	13118052	CAO NGỌC THÂN	DH13CC	<i>ngoc</i>	1	1,8	6	8,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK	<i>thinh</i>	1	1,4	2,7	5,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138227	PHẠM ĐÌNH TRANG	DH13TD	<i>hang</i>	1	1,8	5,3	8,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12115156	TRẦN THỊ THÚY	DH12CB	<i>thuy</i>	1	1,6	5,8	8,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	<i>tram</i>	1	1,8	2,3	5,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT	<i>truong</i>	0,7	1,2	3,9	5,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI	DH13TD	<i>hai</i>	1	1,8	3,5	6,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11344059	TRẦN QUANG TRƯỜNG	CD11CI	<i>truong</i>	0,7	1,8	4,6	7,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118344	BÙI VĂN TÚ	DH13CC	<i>tu</i>	1	1,6	3,5	6,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344052	PHẠM CHÍ TUẤN	CD12CI	<i>tu</i>	1	1,8	1,5	4,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334234	ĐOÀN THANH TÙNG	CD13CI	<i>thanh</i>	1	1,8	4,6	7,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI	<i>truong</i>	1	1,4	3,2	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344085	HỒ TRẦN VŨ	CD12CI	<i>wu</i>	1	1,2	2,3	4,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI	<i>vuong</i>	1	1,6	5,8	8,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 0 Hiện diện : 32

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Phạm Minh Xuân

Việc hợp tác Tích

Nguyễn Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý và chi tiết máy - 207123

Ngày Thi : 29/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	08158158	ĐỖ CÔNG SỸ	THOÁNG	DH08SK					7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11158025	LÊ VĂN	TRÀ	DH12SK					8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (0)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 0

Hiện diện : 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

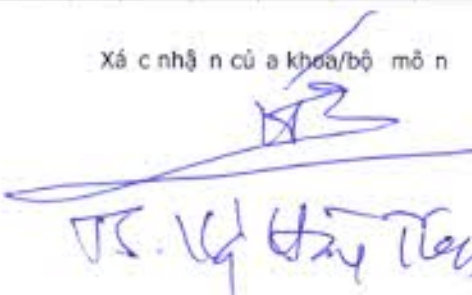
Xác nhận của khoa/bộ môn

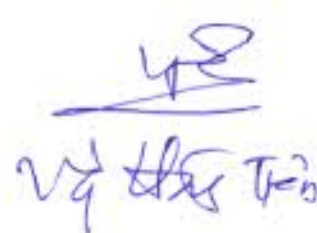
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Thảo Tiên


Trương Quang Tuấn


TS. Vũ Thảo Tiên


Vũ Thảo Tiên


Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cà m bie n trong đ iê u khiê n-207501

Ngày Thi : 26/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10138055	NGUYỄN LÊ BÀNG	DH10TD				1,5	3,8	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD				1,5	4,0	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138046	NGUYỄN THẾ HIỂN	DH12TD				3	9,0	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09138033	NGUYỄN MINH KHÔNG	DH09TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD				1,5	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD				1,5	7,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138023	NGUYỄN TÂN QUÍ	DH10TD				1,5	6,0	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09138013	NGUYỄN VĂN TÀI	DH09TD				1,5	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD				1,5	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: 8

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Lê Quang Trí

Phan Minh Hiền

Vương Đình Bằng

Lê Văn Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật TD khi né n & thủ y lự c-207504

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi C0%	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344009	NGUYỄN NGỌC TUẤN	CD12CI	<i>ay</i>		4	8	2	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138017	TRẦN ĐỨC	DH12TD	<i>ay</i>		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138115	BÙI VĂN BẢO	DH12TD	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI	<i>ay</i>		8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	<i>ay</i>		6	0	1	1.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344012	ĐÀO CÔNG DUY	CD12CI	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL	<i>ay</i>		8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344033	TRẦN ĐẠI	CD12CI	<i>ay</i>		8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI	<i>ay</i>		4	8	4	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	<i>ay</i>		8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	<i>ay</i>		8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD	<i>ay</i>		8	8	9	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	<i>ay</i>		8	6	8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD	<i>ay</i>		4	8	5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153037	NGUYỄN AN HOÀI	DH12CD	<i>ay</i>		6	8	7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phóng thi HD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 602	Điểm T. kết t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH11OT	<i>Đặng</i>	6	8	9	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344055	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	CD12CI	<i>Hoàng</i>	8	8	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09118006	VÕ BÁ	HOÀNG	CD12CI	V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11344020	TRẦN VĂN	HỒ	CD11CI	<i>Hồ</i>	4	2	7	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154107	HỒ CÔNG	HUY	DH12OT	<i>Công</i>	8	6	8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344200	TRẦN QUỐC	HUY	CD12CI	<i>Quốc</i>	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12137023	LƯU ĐÌNH	HƯNG	DH12NL	<i>Đình</i>	8	8	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11153019	LÊ HOÀNG	KHAI	DH11CD	<i>Hoàng</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	KHANG	CD11CI	<i>Xuân</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	DH12CD	<i>Khánh</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12344198	CAI TRUNG	KIỆT	CD12CI	<i>Kết</i>	4	8	3	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344048	NHỮ VĂN	LINH	CD12CI	<i>Văn</i>	6	8	8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344145	VÕ BÁ	LUÂN	CD12CI	<i>Bá</i>	6	8	3	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153179	ĐÌNH QUANG	LƯƠNG	DH12CD	<i>Quang</i>	2	8	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD	<i>Minh</i>	8	8	9	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344127	VÕ TÁ	MẠNH	CD12CI	V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11344063	TRIỀU CẢ	MÙN	CD11CI	<i>Mùn</i>	6	8	7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12153191	NGUYỄN GIA	NGHĨA	DH12CD	<i>Gia</i>	8	8	8	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi HD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t.	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên n	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
37	12153088	ĐẶNG HOÀNG	NHIÊN	DH12CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN	PHÁT	DH12CD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12344155	NGUYỄN VĂN	PHÊ	CD12CI			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11344037	VÕ PHI	PHUNG	CD11CI			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI			8	8	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12137035	TẠ NHẬT	QUANG	DH12NL			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD			8	8	6	6.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12138090	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	DH12TD			8	8	8	8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12138091	LÊ VIỆT	SƠN	DH12TD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344175	PHẠM NGỌC	TẤN	CD12CI			8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	09154095	TRẦN HUY	THÀNH	DH09OT			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11344041	NGUYỄN VĂN	THẢO	CD11CI			8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153143	PHẠM QUỐC	THẮNG	DH12CD			8	8	7	7.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12344111	VÕ TẤN	THIỆN	CD12CI			6	8	6	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12344135	NGUYỄN LỘC	THUẬN	CD12CI			6	8	8	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12344128	VÕ MINH	THUẬN	CD12CI			8	8	5	6.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11118009	NGUYỄN THÁI	TÌNH	DH11CD			8	8	9	8.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11153010	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	DH11CD			6	8	8	7.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực-207504

Ngày Thi : 25/08/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12344183	NGUYỄN VĂN TRẮM	CD12CI			0	0	4	2.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD			8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI			8	8	6	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT			8	6	7	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD			8	8	7	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	12138006	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	DH12TD			8	8	9	8.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 2

Hiệu diện : 58

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Trí

Phan Minh Hiền

TS. Nguyễn Huy Bích

Đào Duy Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập ROBOT công nghiệp - 01-207617

CBGD: Lê Quang Hiên (795)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ	
1	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD				30	70%	8,0	7,0	7,3	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiên

Đặng Trung Nam

Lê Văn Ban

Lê Quang Hiên

Đặng Trung Nam

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạ ch diện-207623

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi PV315 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>Thế Anh</i>	20	6	10	0	14	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138010	TRẦN ĐỨC ANH	DH12TD	<i>Đức Anh</i>	20	10	65	25	48	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153061	HỒ VĂN BÌNH	DH10CD	<i>Bình</i>	20	9	7	25	47	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHÍNH	DH12TD	<i>Chính</i>	20	10	8	6	7.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	<i>Thế Chung</i>	20	9	65	75	76	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138030	TRẦN HUY CHƯƠNG	DH13TD	<i>Huy Chương</i>	20	9	5	3	4.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD	<i>Mạnh Cường</i>	20	10	10	65	7.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD	<i>Khắc Diễn</i>	20	V	V	35	21	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD	<i>Anh Duy</i>	20				Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Tiến Đạt</i>	20	10	45	35	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153005	TRẦN ĐỨC ĐÔNG	DH10CD	<i>Đức Đông</i>	20	5	2	25	29	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138003	LƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	DH13TD	<i>Đình Đông</i>	20	9	4	55	4.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	<i>Anh Đức</i>	20	10	75	3	5.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD	<i>Trọng Hiếu</i>	20				Vắng	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153175	LƯU GIA HUÂN	DH12CD	<i>Gia Huân</i>	20	10	15	2	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12138055	HUỲNH TẤN HƯNG	DH12TD	<i>Tấn Hưng</i>	20	10	3	25	4.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138071	TRẦN VŨ NAM KHA	DH12TD	<i>Vũ Nam Kha</i>	20	9	6	25	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD	<i>Hoàng Khải</i>	20	6	2	2	28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạ ch điện n-207623

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV315 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12138121	LÊ PHÚC	KHÁNH	DH12TD	<u>Thanh</u>	7	7	25	4.3	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153097	TRƯƠNG NHỊ	LÂM	DH12CD					<u>Khang</u>	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD	<u>Linh</u>	7	6	4	5	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD	<u>Văn</u>	10	85	4	6.1	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138069	NGUYỄN BÁ	LỘC	DH12TD	<u>Lưu</u>	9	75	55	6.6	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 3

Hiệu điện : 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Đăng Khoa

Phạm Minh Hiền

Vũ Đình Bình

Nguyễn Đăng Khoa

Trần Thị Kim Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạ ch diễ n-207623

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phẫ n nguyê n	Tổ trò n điể m phẫ n lẻ
1	12153191	NGUYỄN GIA	NGHĨA	DH12CD	<i>Gia</i>	9	4	25	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	DH12TD	<i>Phu</i>	10	5	1	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153114	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	DH12CD	<i>Hai</i>	9	6.5	2.5	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153088	ĐẶNG HOÀNG	NHIÊN	DH12CD	<i>Hai</i>	6	4	2	3.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138141	NGUYỄN HUỖNH	NHƯƠNG	DH13TD	<i>Huynh</i>	10	6.5	4.5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08153034	LÊ HỒNG	PHONG	DH08CD	<i>Hong</i>	6	2	2	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153093	HỒ VĨNH	PHU	DH12CD	<i>Vinh</i>	8	3.5	1.5	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138153	HUỖNH HOÀNG	PHÚ	DH13TD	<i>Huynh</i>	9	8	5.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	08153022	CHÂU TRUNG	QUỐC	DH08CD	<i>Quoc</i>	9	5	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	DH11CD	<i>Phu</i>	10	8.5	3	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12138004	HUỖNH	QUỖNH	DH12TD	<i>Huynh</i>	10	7	7	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153139	ĐỖ TRỌNG	TÂM	DH12CD					Vĩnh	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138093	NGUYỄN MINH	TÂM	DH12TD	<i>Minh</i>	9	3	4	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153136	LÊ VĂN	THÀNH	DH12CD	<i>Hai</i>	10	6.5	6.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138206	NGUYỄN HOÀNG	THỊ	DH13TD	<i>Hai</i>	10	5.5	4.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138060	PHẠM QUỐC	TRUNG	DH10TD	<i>Quoc</i>	10	4.5	4.5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138130	PHẠM VIỆT	TRUNG	DH12TD	<i>Viet</i>	7	0.5	1.5	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138103	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	DH12TD	<i>Hai</i>	10	3	1.5	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Mạ ch diệp n-207623

Ngày Thi : 30/08/14 Giờ thi: 07g00 - phút : Phò ng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi cơ	Điểm T. kết t	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
19	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	DH12TD		10	35	3.5	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138020	TRẦN THANH	TUẤN	DH13TD		9	15	0.5	2.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYẾN	DH10CD		4	65	2	3.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12149092	HOÀNG VĂN	VIỆT	DH12TD		10	5	2.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138008	TRẦN LÊ TUẤN	VŨ	DH12TD		10	8	2.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu điểm:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Lê Văn Tuấn

Lê Quang Bửu

Nguyễn Đình Bình

Nguyễn Đình Khoa

Trần Thị Lan Nga

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập độ ng cơ ô tô - 03-207723

CBGD: Nguyễn Trí nh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10154008	HÀ XUÂN	ĐƯƠNG	DH100T				7,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10154053	NGUYỄN LƯƠNG	TUYẾN	DH100T				5,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154057	VÕ THÀNH	CÔNG	DH100T				7,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154065	LÝ MINH	HẢO	DH100T				7		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	DH100T				6,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154010	NÔNG TRỌNG	NGHĨA	DH110T				6,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11154012	NGUYỄN THANH	PHONG	DH110T				5,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154013	NGÔ VĂN	QUYẾT	DH110T				5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154014	UNG NGỌC	QUÝ	DH110T				5,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11154015	THÔNG PHỐ	SẦU	DH110T				6		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11154016	TRƯƠNG CHÍ	TÂM	DH110T				8		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11154019	TRƯƠNG HỮU	THIỆN	DH110T				8		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11154024	LÊ PHÚC	CƯỜNG	DH110T				7,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154028	LÊ ANH	NGUYỄN	DH110T				7,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11154031	NGUYỄN CHÍ	TRAI	DH110T				5,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11154033	NGUYỄN VĂN	HÓA	DH110T				6,5		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154041	VŨ ĐÌNH	NHINH	DH110T				7		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154042	NGÔ HOÀNG	LUÂN	DH110T				7		(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 3 - Năm Học 13-14

Môn Học : Thực tập độ ng cơ Ô tô - 03-207723

CBGD: Nguyễn Trọng Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
19	11154044	TRẦN MINH THANH	DH11OT					8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154045	CHU ĐỨC MINH	DH11OT					6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11154047	NGUYỄN LÊ DUY PHÁT	DH11OT					8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154052	PHAN THANH TRUNG	DH11OT					5,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11154055	CHÂU NGỌC HIỆP	DH11OT					7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11154057	NGÔ TRÍ HỮU	DH11OT					7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH11OT					7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11154060	ĐOÀN THIẾ LUÂN	DH11OT					8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH11OT					5,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Bui Hong Huân


Bui Cong Huan


Phan Minh Hien